

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1106 /GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Hòa Phát tại văn bản số 1104/HP ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc phê duyệt báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu du lịch sinh thái Nha Phu” tại Suối Cà Lăm, Hòn Hèo, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 151/TTr-STNMT-CCBVM ngày 19 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Hòa Phát, địa chỉ tại số 78 Trịnh Phong, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khu du lịch sinh thái Nha Phu” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Khu du lịch sinh thái Nha Phu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Suối Cà Lăm, Hòn Hèo, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 2668176185 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa chứng nhận lần đầu ngày 18/11/2016.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số 4200700454 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 16/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/08/2022.

1.4. Mã số thuế: 4200700454.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Quy mô dự án có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích: 175.356m² (trong đó, diện tích đất liền: 114.609m², diện tích mặt nước biển: 60.747m²).

- Các hạng mục công trình chính: Gồm 06 phân khu chức năng chính (khu dịch vụ, thương mại; khu spa – Bungalow; khu nhà ở biệt thự; khu phụ trợ - phục vụ; khu cây xanh rừng cảnh quan kết hợp dã ngoại dưới tán rừng và khu tổ chức hoạt động thể thao trên biển).

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải: 120m³/ngày.đêm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Hòa Phát được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Hòa Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở có trách nhiệm công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND xã Ninh Vân.

2.5. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Ninh Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận (VBĐT):

- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Hòa Phát;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Ninh Vân;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP + TLe, Huân. 5

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 11.06/GPMT-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh, nhà tắm của cơ sở, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại.
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực nhà bếp, xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước biển ven bờ khu vực cơ sở.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°):

Vị trí	X (m)	Y (m)
Vị trí thu gom nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải	1370445	608645
Vị trí nguồn tiếp nhận (nước biển ven bờ khu vực cơ sở).	1370416	608592

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $120\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, $k = 1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K= 1)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	-
2	BOD ₅	mg/l	30	
3	TDS	mg/l	500	
4	TSS	mg/l	50	
5	H ₂ S	mg/l	1,0	
6	Amoni	mg/l	5	
7	Nitrat	mg/l	30	
8	Photphat	mg/l	6	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Tất cả lượng nước thải đều được xử lý sơ bộ, sau đó được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt Quy trình công nghệ xử lý nước thải:

Quy trình công nghệ:

Nước thải từ nhà bếp, nhà hàng (được xử lý qua bể tách dầu mỡ) và nước thải sinh hoạt (được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể Aeroten (bể hiếu khí) → Bể màng lọc sinh học MBR → Bồn trung gian → Nguồn tiếp nhận (nước biển ven bờ).

Bùn từ Bể màng lọc sinh học MBR → Bể chứa bùn → Bùn tuần hoàn/hút định kỳ.

- Công suất thiết kế: 120m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clororamin B (10 kg/tháng).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Duy trì tốt hoạt động của hệ thống xử lý nước thải hiện có; vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình.
- Định kỳ kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống thu gom, xử lý nước thải.
- Bố trí cán bộ chuyên trách về môi trường vận hành hệ thống xử lý, đảm bảo giám sát quá trình hoạt động của hệ thống 24/24.
- Theo dõi, duy trì chế độ nạo vét định kỳ tại ngăn lắng (bể tự hoại).
- Thường xuyên kiểm tra độ an toàn của các thùng hóa chất, các thùng (bồn) chứa nguyên, nhiên liệu, khắc phục kịp thời việc rò rỉ nhiên liệu, hóa chất.
- Sử dụng các thiết bị dự phòng để thay thế.
- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố không đáp ứng khả năng xử lý, nước thải được lưu tại bể tự hoại và bể điều hòa, không xả nước thải ra nguồn tiếp nhận.
- Khi phát hiện ra sự cố phải ngưng hoạt động, và khắc phục ngay sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (Thời gian bắt đầu: tháng 6/2024; Thời gian kết thúc: tháng 8/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 120m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào (bể điều hòa) và nước thải đầu ra (bồn chứa nước sau xử lý) của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Theo mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. *Tần suất lấy mẫu:* Chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chủ cơ sở lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 1106./GPMT-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã số CTNH	ĐVT	Số lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	kg	10
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	kg	5
3	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	kg	35
4	Dầu động cơ hộp số và dầu bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	kg	20
5	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	kg	5
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	kg	5
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	kg	10
8	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	kg	20
TỔNG CỘNG			kg	110

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Phế liệu (bao nilon, thùng carton,...): khoảng 10.800 kg/năm.
- Bùn thải: khoảng 50 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 135.900 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Kho lưu chứa: Diện tích 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Có gờ chống tràn, nền xi măng, có mái che; có biển cảnh báo và các trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; khai báo khối lượng và tình hình quản lý CTNH trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Phế liệu (bao bì carton, vụn sắt,...): Thu gom vào kho lưu chứa.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được tuần hoàn về hệ thống (bể điều hòa và bể thiếu khí, hiếu khí); lượng bùn dư được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các giỏ đựng có nắp đậy; hàng ngày, lượng rác thải này được thu gom đưa về nhà rác thải sinh hoạt (có diện tích 6m², nền xi măng, có cao độ nền đảm bảo không ngập lụt, mặt sàn kín, không rạn nứt, có mái che bằng tôn), cuối ngày có nhân viên chuyển về bãi tập kết tại khu bến tàu của cơ sở. Chất thải rắn sinh hoạt được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng theo quy định

2.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 3**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *11.06./GPMT-UBND* ngày *25* tháng *11*...
năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường theo cam kết, đề xuất trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. *2*